

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.303**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h30**Ngày thi:** 11/01/2022

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0028	Nguyễn Minh Đức	02/02/1999				
2	TA0029	Phạm Anh Đức	20/03/1999				
3	TA0030	Dư Văn Dũng	02/11/1999				
4	TA0031	Đoàn Hải Dương	29/01/1999				
5	TA0032	Lê Đức Đại Dương	14/03/1999				
6	TA0033	Nguyễn Đình Dương	21/01/1998				
7	TA0034	Nguyễn Hồng Dương	04/04/1999				
8	TA0035	Nguyễn Ngọc Dương	20/01/1999				
9	TA0036	Nguyễn Khánh Duy	24/09/2000				
10	TA0037	Cao Thị Hà Giang	09/10/1999				
11	TA0038	Lê Minh Giang	14/09/1999				
12	TA0039	Nguyễn Thị Hà	15/03/1999				
13	TA0040	Nguyễn Thị Hà	25/08/1999				
14	TA0041	Mai Hoàng Hải	20/10/1999				
15	TA0042	Phạm Thị Kim Hằng	22/03/1999				
16	TA0043	Lê Thị Việt Hằng	14/04/2000				
17	TA0044	Đào Minh Hiếu	08/12/1999				
18	TA0045	Lê Minh Hiếu	27/07/1999				
19	TA0046	Phạm Huy Hiệu	14/10/1999				
20	TA0047	Nguyễn Thị Hoa	20/05/1999				
21	TA0048	Ngô Huy Hoàng	19/12/1995				
22	TA0049	Nguyễn Việt Hoàng	05/06/1999				
23	TA0050	Trương Việt Hoàng	02/03/1999				
24	TA0051	Trần Thu Huệ	11/12/1999				
25	TA0052	Trần Mạnh Hùng	23/03/1999				

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
26	TA0053	Lê Văn Hưởng	25/03/1999				
27	TA0054	Bùi Gia Hoàng Huy	18/08/1999				
28	TA0221	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	05/10/2000				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)